TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày: 05 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

2/ Ông Nguyễn Văn Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 477/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/ QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Bình C, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: 1/ Bà Phạm Thị Kim S, sinh năm 1965.
2/ Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1/ Anh Huỳnh Văn Bé B, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2/ Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D, bà S, ông Đ, anh V có mặt, anh Bé B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị D trình bày:

Vào ngày 23/5/2019, chị Huỳnh Thị D có cho bà Phạm Thị Kim S và ông Huỳnh Văn Đ vay số tiền 300.000.000 đồng, vay lãi suất 3%/tháng, vay có viết biên nhận. Thỏa thuận thời hạn trả nợ là 12 tháng. Ông Đ, bà S có trả được 01 tháng tiền lãi. Đến hạn, ông Đ, bà S có trả cho chị D số tiền 30.000.000 đồng rồi ngưng không trả nữa.

Nay, chị Huỳnh Thị D yêu cầu bà Phạm Thị Kim S và ông Huỳnh Văn Đ trả số tiền vay là 270.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Kim S và ông Huỳnh Văn Đ trình bày:

Ông, bà có xác lập hợp Đng thuê quyền sử dụng đất với chị Huỳnh Thị D có chứng thực của Ủy Ban nhân dân xã, giá thuê 300.000.000 Đng. Chị D giao tiền cho anh Nguyễn Văn Bé B (anh Bé B là cháu của ông Đ). Ông, bà có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Bé B, anh Bé B giao cho chị D. Sau đó, chị D và ông, bà thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 300.000.000 đồng. Tháng 7/2020 chị D trả sổ đỏ cho ông, bà và ông, bà đã đi vay vốn Ngân hàng được số tiền 50.000.000 đồng và có trả cho chị D số tiền 30.000.000 đồng.

Nay, chị Huỳnh Thị D yêu cầu bà Phạm Thị Kim S và ông Huỳnh Văn Đ trả số tiền vay là 270.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông, bà có ý kiến, ông, bà không đồng ý trả vì thực tế anh Bé B là người mượn và nhận tiền trực tiếp từ chị D. Nếu chị D cho trả dần mỗi năm trả 2.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ thì ông, bà đồng ý trả.

* Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng V trình bày:

Ngày 21/11/2018, anh với ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị Kim S có ký kết hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Diện tích thuê 1.312m^2, đất trồng cây lâu năm, thời hạn thuê 3 năm, giá thuê 300.000.000 đồng. Anh đã giao tiền cho ông Đ, bà S. Sau khi ký hợp đồng thuê đất anh đã giao tiền nhưng không nhận đất canh tác. Sau đó, chị Huỳnh Thị D (vợ anh) đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà S và hai bên thỏa thuận xác lập lại là hợp đồng vay tài sản do chị D ký kết với ông Đ, bà S. Hợp đồng thuê không còn nữa.

* Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự:

Thẩm phán và Hội Đng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đề nghị Hội Đng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị D.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị Kim S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh Thị D số tiền 270.000.000 đồng, trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội Đng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh Huỳnh Văn Bé B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội Đng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Bé B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, có mặt anh Nguyễn Hoàng V, anh V yêu cầu Tòa án không mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh V yêu cầu Tòa án xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên nhận gốc ngày 23/5/2019 âm lịch thể hiện bà Phạm Thị Kim S và ông Huỳnh Văn Đ có vay của chị Huỳnh Thị D số tiền 300.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận nợ của ông Đ, bà S ở cuối biên nhận. Đồng thời, tại phiên tòa ông Đ, bà S thừa nhận ông, bà có ký nhận của chị D 300.000.000 đồng, ông, bà đã trả cho chị D 30.000.000 đồng, hiện còn nợ chị D số tiền 270.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị D là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Phạm Thị Kim S và ông Huỳnh Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh Thị D số tiền 270.000.000 đồng, trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Yêu cầu tính lãi: Chị D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Trong quá trình xét xử, ông Đ, bà S khai nại, anh Nguyễn Văn Bé B là người mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ thế chấp vay tiền của chị Huỳnh Thị D. Anh Bé B là người nhận tiền trực tiếp từ chị D nên anh Bé B phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị D. Xét lời khai nại của ông Đ, bà S không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, tại biên nhận ngày 23/5/2019 người ký xác nhận nợ là ông Đ, bà S. Việc ông Đ, bà S không trực tiếp nhận tiền từ chị D mà để anh Bé B nhận là do sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự. Do đó, trong trường hợp ông Đ, bà S có yêu cầu anh Bé B trả lại số tiền 300.000.000 đồng đã nhận từ chị D là một quan hệ pháp luật khác. Nếu ông Đ, bà S có đơn khởi kiện yêu cầu anh Bé B trả số tiền 300.000.000 đồng Tòa án sẽ thụ lý vụ án dân sự khác để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

[6] Tại phiên tòa, ông Đ, bà S cho rằng ông, bà xác lập với chị D là hợp đồng thuê quyền sử dụng đất không phải hợp đồng vay tài sản. Tại biên bản xác

minh ngày 25/3/2022 thì ông, bà có xác lập hợp đồng thuê đất với anh Nguyễn Hoàng V (chồng chị Huỳnh Thị D). Để đảm bảo cho số tiền vay 300.000.000 đồng chị D đã yêu cầu ông Đ, bà S thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất để đảm bảo. Su đó, chị D đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà S và hai bên đã tự nguyện lập lại hợp đồng vay tài sản và hủy bỏ hợp đồng thuê đất nhưng ông Đ, bà S không thừa nhận. Xét thấy, hợp đồng thuê đất được xác lập giữa ông Đ, bà S, anh V nhưng các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết một vụ án dân sự khác.

[7] Xét yêu cầu xin trả dần của ông Đ, bà S, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Đ, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và việc xin trả dần cũng không được chị D chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà S.

[8] Về án phí: Bà Phạm Thị Kim S và ông Huỳnh Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nhận định Hội Đng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị D.

- Buộc bà Phạm Thị Kim S và ông Huỳnh Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh Thị D số tiền 270.000.000 đồng, trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Kim S và ông Huỳnh Văn Đ phải chịu 13.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Huỳnh Thị D số tiền 6.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005974 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Cai Lậy;
- CCTHADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Kim Loan